

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2022 / HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 4 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Long
2. Ông Huỳnh Văn Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2022; Về việc: “ *Xin ly hôn, nuôi con chung* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1991. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị Cẩm H, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Nguyên vào năm 2014 anh T, chị H được cha, mẹ hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, ngày 26/02/2014 theo quy định pháp luật.

Sau khi cưới nhau vợ, chồng sống chung hạnh phúc đến ngày 03 tháng 5 năm 2014 thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đã ly thân từ tháng 5 năm 2014 cho đến nay không đoàn tụ lại, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị Cẩm H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2015. Do hiện nay cháu Nguyễn Quốc A đang sống chung với chị H nên anh T giao cháu Nguyễn Quốc A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, về nợ: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh đã cung cấp cho Tòa án và được hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh T xác định là đầy đủ và không cung cấp chứng cứ thêm.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn chị Dương Thị Cẩm H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là “Ly hôn, nuôi con chung” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 26 tháng 02 năm 2014 anh T, chị H kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Anh T trình bày trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng xảy ra mâu thuẫn, mặc dù được cha, mẹ hai bên hàn gắn nhưng đã ly thân từ tháng 5 năm 2014 đến nay không đoàn tụ lại, là có thật. Chị H được Tòa án tổng đạt giấy mời hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án, không tham dự phiên tòa, không có yêu cầu đề nghị hòa giải vắng mặt nên Hội đồng xét xử cho ly hôn là phù hợp Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[2.2] Về con chung: Kể từ sau khi anh T và chị H ly thân thì con chung là cháu Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2015 do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên ghi nhận sự tự nguyện của anh T giao con chung cháu Nguyễn Quốc A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, 228 và Điều 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn anh Nguyễn Đức T ly hôn với bị đơn chị Dương Thị Cẩm H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2015 cho chị Dương Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Đức T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số N⁰ 0006884, ngày 06/01/2022.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm công khai. Đương sự vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, phát, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã Q 01b;
- Các đương sự 02 bản ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo